

Số: 25/2023_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Hợp Nhất năm 2022 đã kiểm toán.

Tp Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất đạt được trong năm 2022 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu bán hàng tăng nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2022 giảm với năm 2021 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022	Số liệu năm 2021	Chênh
	đã kiểm toán	đã kiểm toán	lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	381.886.734.435	449.202.292.684	(67.315.558.249)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	9.686.461.634	14.498.365.346	(4.811.903.712)
3 Chi phí tài chính	54.312.769.222	20.095.854.316	34.216.914.906
4 Chi phí bán hàng	273.852.726.352	323.383.390.872	(49.530.664.520)
5 Lợi nhuận khác	64.049.376.932	16.863.563.522	47.185.813.410
6 Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.996.153.381	10.069.922.648	2.926.230.733
7 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.333.641.530)	(2.246.754.235)	(2.086.887.295)
8 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.687.118.400	25.347.131.026	(11.660.012.626)

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 67.315.558.249 đồng nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng, giá bán hàng giảm và giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 4.811.903.712 đồng nguyên nhân do trong năm 2022 lãi chênh lệch tỉ giá giảm so với năm 2021.
- Chi phí tài chính tăng 34.216.914.906 đồng nguyên nhân do chi phí lãi vay tăng và lỗ chênh lệch tỉ giá tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng giảm 49.530.664.520 đồng nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2022 chi phí tiền lương, chi phí phân bổ công cụ giảm so với năm 2021.
- Lợi nhuận khác tăng 47.185.813.410 đồng nguyên nhân do trong năm 2022 thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bán TSCĐ, thanh lý tài sản, công cụ, thu nhập từ chênh lệch hàng tồn tăng so với năm 2021.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2022 giảm 11.660.012.626 đồng so với năm 2021.

Trân trọng.



TRẦN MINH LOAN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 22/7/2019.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 17 ngày 22/7/2019 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Trần Minh Loan	Thành viên
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Loan

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 109/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 30/3/2023, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue handwritten signature.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.097.024.480.300	983.135.322.238
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	122.733.445.778	217.218.744.572
1. Tiền	111		86.317.247.512	87.218.744.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.416.198.266	130.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		90.614.277.028	100.578.357.615
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	90.614.277.028	100.578.357.615
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		745.293.619.310	533.409.333.887
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	637.379.083.237	476.011.812.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	62.292.904.664	20.995.008.133
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	9.250.000.000	4.025.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	42.289.051.860	37.799.019.934
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.926.311.089)	(5.430.397.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.890.638	8.890.638
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	83.809.113.672	75.419.845.419
1. Hàng tồn kho	141		83.809.113.672	75.419.845.419
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.574.024.512	56.509.040.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	8.926.119.357	16.166.656.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.184.612.782	39.869.454.772
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	463.292.373	472.929.630
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.006.044.347.374	1.044.954.781.432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.568.341.203	74.019.292.507
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	22.337.320.000	28.987.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	54.231.021.203	45.031.972.507
II. Tài sản cố định	220		128.753.653.906	147.843.764.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	46.384.292.762	74.655.592.304
- Nguyên giá	222		212.347.723.809	265.448.650.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.963.431.047)	(190.793.058.064)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	82.369.361.144	73.188.172.226
- Nguyên giá	228		93.431.426.926	79.436.205.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.062.065.782)	(6.248.032.822)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.268.300.000	10.749.940.837
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	5.268.300.000	10.749.940.837
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		104.235.758.592	76.820.234.458
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	87.895.758.592	60.480.234.458
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	16.340.000.000	16.340.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		691.218.293.673	735.521.549.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	662.134.838.009	700.627.619.834
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	3.143.847.775	331.932.061
3. Lợi thế thương mại	269	5.15	25.939.607.889	34.561.997.205
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.103.068.827.674	2.028.090.103.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.612.685.896.983	1.536.563.764.497
I. Nợ ngắn hạn	310		1.376.492.455.907	1.305.610.537.867
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	708.972.856.596	691.948.947.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.035.574.874	2.823.302.077
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	26.246.077.740	12.131.547.789
4. Phải trả người lao động	314		5.470.645.176	12.654.255.204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	3.227.561.214	16.031.644.222
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	27.200.259.090	49.764.007.861
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	600.777.347.415	519.694.699.388
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II. Nợ dài hạn	330		236.193.441.076	230.953.226.630
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	12.518.453.024	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	61.115.208.052	39.951.372.814
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	162.559.780.000	189.480.128.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.14	-	1.521.725.816
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		490.382.930.691	491.526.339.173
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	490.382.930.691	491.526.339.173
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.676.643.611	102.085.844.808
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		84.162.402.509	76.711.198.354
- LNST chưa phân phối kỳ trước	421b		1.514.241.102	25.374.646.454
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.570.988.864	14.305.196.149
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.103.068.827.674	2.028.090.103.670

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

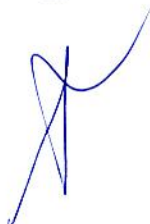
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.116.613.290.412	3.453.777.383.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	34.545.353.546	62.357.104.430
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	4.082.067.936.866	3.391.420.279.087
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	3.700.181.202.431	2.942.217.986.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		381.886.734.435	449.202.292.684
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	9.686.461.634	14.498.365.346
7. Chi phí tài chính	22	6.6	54.312.769.222	20.095.854.316
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.369.589.644	17.833.380.574
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.620.579.090	6.345.410.277
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	273.852.726.352	323.383.390.872
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	110.728.026.266	110.260.087.202
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(41.699.746.681)	16.306.735.917
12. Thu nhập khác	31	6.8	65.015.547.100	19.214.319.591
13. Chi phí khác	32	6.8	966.170.168	2.350.756.069
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	64.049.376.932	16.863.563.522
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		22.349.630.251	33.170.299.439
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	12.996.153.381	10.069.922.648
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(4.333.641.530)	(2.246.754.235)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.687.118.400	25.347.131.026
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.514.241.102	25.374.646.454
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.172.877.298	(27.515.428)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	41	680


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.349.630.251	33.170.299.439
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		32.308.805.649	33.420.946.546
- Các khoản dự phòng	03		495.913.813	(666.766.074)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.646.950.000	916.488.873
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(61.097.074.870)	(9.678.984.035)
- Chi phí lãi vay	06		33.369.589.644	17.833.380.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.073.814.487	74.995.365.323
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.096.849.750)	(128.839.178.784)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.389.268.253)	2.233.793.737
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.500.000.186	349.195.677.153
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		48.898.617.885	17.503.396.186
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.411.100.936)	(7.156.028.783)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.806.726.825)	(13.328.532.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(179.231.513.206)	294.604.492.296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.459.561.778)	(14.374.686.567)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		56.175.189.057	618.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(240.035.919.413)	(262.075.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		251.425.000.000	293.840.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.571.000.000)	(51.516.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.701.584.694	18.479.040.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.235.292.560	(15.028.464.708)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.100.000.000	-
2. Tiền thu từ cho vay	33		2.825.695.476.691	2.278.136.664.022
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.774.180.126.664)	(2.389.331.785.255)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.104.428.175)	1.517.215.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.510.921.852	(109.677.905.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(94.485.298.794)	169.898.121.655
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		217.218.744.572	47.248.111.790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	72.511.127
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	122.733.445.778	217.218.744.572

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 22/7/2019.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 17 ngày 22/7/2019 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã giao dịch là: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2022 là 1.520 người (tại ngày 31/12/2021 là 1.562 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Tổ 92, Lô 8 A 1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia		Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MTGas ngày 30/12/2022, Công ty Cổ phần MT Gas dự kiến chào bán riêng lẻ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Số cổ phiếu dự kiến được phát hành trong quý II và quý III năm 2023 là 8.000.000 cổ phiếu.

(ii) Theo Biên bản họp số 08/BBHQQT-ASP/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, Công ty dự định tái cấu trúc lại thị trường LPG ở Miền trung bằng việc sáp nhập Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải ("Công ty Đức Hải") vào Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung. Tuy nhiên, tới thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất này được công bố, Công ty chưa thực hiện chủ trương nêu trên. Đồng thời, các hoạt động cần thiết để nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại Công ty Đức Hải cũng chưa được thực hiện. Do vậy, tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa đánh giá lại giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại tại Công ty Cổ phần Đức Hải và vẫn tiến hành Hợp nhất Công ty Đức Hải vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	38,30%	38,30%	38,30%
6	Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
10	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Tầng 2-107B Phan Thanh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	29,00%	29,00%	29,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

AN
C
T
KIẾ
T
A
37

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn thuê đất đến ngày 09/02/2051), quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061). Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, thuế suất thuế TNDN để xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, thuế suất thuế TNDN để xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 (mười) năm.

Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí chiết khấu: Trích trước dựa trên doanh thu bán ra, và tỷ lệ tính chiết khấu căn cứ theo Hợp đồng với các khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vô bình gas

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vô bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	4.094.293.075	2.953.177.765
Tiền gửi ngân hàng	81.540.631.619	84.252.983.807
Tiền đang chuyển	682.322.818	12.583.000
Các khoản tương đương tiền (i)	36.416.198.266	130.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	36.416.198.266	130.000.000.000
Tổng	122.733.445.778	217.218.744.572

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất áp dụng là 6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	90.614.277.028	90.614.277.028	100.578.357.615	100.578.357.615
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	90.614.277.028	90.614.277.028	100.578.357.615	100.578.357.615
Tổng	90.614.277.028	90.614.277.028	100.578.357.615	100.578.357.615

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,5%/năm đến 10%/năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8%/năm, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội với số dư tại ngày 31/12/2022 là 50.000.000.000 VND, được sử dụng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (Thuyết minh số 5.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty TNHH Bình Khí Dốt Hongvina	35,00%	35,00%	103.626.055.625	(i)	74.056.055.625	(i)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	(i)	1.372.000.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	7.513.340.000	(i)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	2.940.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lòng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	13.650.000.000	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	34.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội (ii)	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung (iii)	29,00%	29,00%	9.570.000.000	(i)	-	-
Tổng			103.626.055.625		74.056.055.625	
						60.480.234.458

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Tỷ lệ	Quyền Vốn giữ năm giữ biểu quyết	Giá gốc hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư khác				
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông		16.340.000.000	-	16.340.000.000
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thành Sáng		9.600.000.000	(i)	9.600.000.000 (i)
		6.740.000.000	(i)	6.740.000.000 (i)
Tổng		16.340.000.000	-	16.340.000.000

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2022 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội bằng việc mua cổ phần chào bán riêng lẻ với số tiền là 20.000.000.000 VND, căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BBHQQT-ASP/2021 ngày 08/8/2021. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau giao dịch mua cổ phần là 33%.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải, một công ty con của Công ty, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung với số tiền là 9.570.000.000 VND, sau khi nhận chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải tại Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung là 29%.

Các giao dịch với các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 8.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	57.999.742.525	8.605.811.062
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	34.499.367.347	22.563.418.011
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	5.246.164.332	7.082.646.210
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	13.697.857.187	13.976.358.679
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	8.049.529.211	6.261.463.096
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	854.326.022	-
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	33.340.053.764	65.957.600.002
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	20.478.848.857	11.455.711.819
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	4.678.385.250	7.725.290.221
Công ty TNHH Hải Linh	8.237.417.200	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	48.393.156.515	29.156.893.826
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	67.579.844.664	17.419.301.283
Phải thu các đối tượng khác	334.324.390.363	285.807.318.249
Tổng	637.379.083.237	476.011.812.458

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Trình bày lại) (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

	152.936.163.178	85.756.476.906
--	-----------------	----------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	7.352.057.364
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	50.200.000.000	5.707.200.000
Các đối tượng khác	6.313.263.946	7.935.750.769
Tổng	62.292.904.664	20.995.008.133

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

	50.414.478.223	5.707.200.000
--	----------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	9.250.000.000	4.025.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii)	6.650.000.000	1.425.000.000
Dài hạn	22.337.320.000	28.987.320.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii)	-	6.650.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iii)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (iv)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vi)	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	31.587.320.000	33.012.320.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan	24.987.320.000	26.412.320.000

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn đến hết ngày 31/12/2022.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021 với số tiền vay là 9.500.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

(vi) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021 với số tiền vay là 4.000.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	42.289.051.860	(1.067.769.848)	37.799.019.934	(1.067.769.848)
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	3.725.000.000	-	3.725.000.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu thuế TNCN nộp hộ (ii)	4.689.142.555	-	3.127.442.922	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.310.439.473	-	2.210.023.497	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng (iii)	213.360.000	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.589.545.809	-	8.297.840.822	-
Ký cược, ký quỹ	15.038.492.160	-	16.139.050.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	319.471.185	-	320.507.894	-
Phải thu khác	5.003.600.678	(1.067.769.848)	3.365.794.799	(1.067.769.848)
Dài hạn	54.231.021.203	-	45.031.972.507	-
Ký cược, ký quỹ	48.266.021.202	-	38.566.972.507	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.185.000.001	-	1.685.000.000	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Tổng	96.520.073.063	(1.067.769.848)	82.830.992.441	(1.067.769.848)

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

5.120.206.254

- 3.567.310.388

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Gas Thanh Hùng	803.795.007	-	803.795.007	-
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	166.856.123	-	166.856.123	-
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	-	1.199.617.606	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	3.756.283.707	241.354	3.756.283.707	496.155.167
Tổng	5.926.552.443	241.354	5.926.552.443	496.155.167

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.771.928.545	-	1.901.569.819	-
Công cụ, dụng cụ	2.135.432.854	-	3.593.613.082	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.534.846.998	-	3.633.303.645	-
Thành phẩm	2.733.135	-	211.096.274	-
Hàng hóa	76.364.172.140	-	66.080.262.599	-
Tổng	83.809.113.672	-	75.419.845.419	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	8.926.119.357	16.166.656.343
Chi phí bảo lãnh mua LPG	1.323.051.092	1.658.852.214
Chi phí sửa chữa	30.500.000	20.165.878
Chi phí thuê mặt bằng	2.392.196.185	2.327.147.553
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	854.878.108	1.226.144.731
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	-	3.116.666.666
Các khoản khác	4.325.493.972	7.817.679.301
Dài hạn	662.134.838.009	700.627.619.834
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	290.618.981.373	301.903.218.213
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	57.866.299.237	54.633.878.050
Chi phí thuê kho bãi	3.201.680.000	6.276.240.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	293.352.519.237	329.474.673.952
Các khoản khác	17.095.358.162	8.339.609.619
Tổng	671.060.957.366	716.794.276.177

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Chi phí trả trước (Tiếp theo)

(i) Chi phí vô hình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các công ty con của Công ty.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	12.131.547.789	133.103.353.225	118.988.823.274	26.246.077.740
Thuế giá trị gia tăng	5.353.147.573	99.537.037.335	92.548.872.072	12.341.312.836
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.614.096.368	16.998.308.412	615.787.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.612.911.265	12.996.153.381	5.806.726.825	12.802.337.821
Thuế thu nhập cá nhân	1.162.698.888	2.548.902.183	3.224.961.944	486.639.127
Thuế tài nguyên	2.790.063	(2.790.063)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	409.954.021	409.954.021	-
Phải thu	472.929.630	85.787.726	76.150.469	463.292.373
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	88.509.774	85.787.726	-	2.722.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	384.419.856	-	-	384.419.856
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	73.150.469	73.150.469
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	78.793.543.516	98.861.326.354	78.644.775.711	7.074.038.551	2.074.966.236	265.448.650.368
Tăng trong năm	-	751.777.778	-	-	-	751.777.778
Mua trong năm	-	751.777.778	-	-	-	751.777.778
Giảm trong năm	31.360.000.000	800.450.000	21.692.254.337	-	-	53.852.704.337
Thanh lý, nhượng bán	31.360.000.000	800.450.000	21.692.254.337	-	-	53.852.704.337
Số dư tại ngày 31/12/2022	47.433.543.516	98.812.654.132	56.952.521.374	7.074.038.551	2.074.966.236	212.347.723.809
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	61.972.733.499	62.572.142.138	61.169.746.429	3.030.992.281	2.047.443.717	190.793.058.064
Tăng trong năm	5.455.257.946	4.793.652.580	7.377.528.327	1.233.694.501	12.250.019	18.872.383.373
Khấu hao trong năm	5.455.257.946	4.793.652.580	7.377.528.327	1.233.694.501	12.250.019	18.872.383.373
Giảm trong năm	24.927.078.117	800.450.000	17.974.482.273	-	-	43.702.010.390
Thanh lý, nhượng bán	24.927.078.117	800.450.000	17.974.482.273	-	-	43.702.010.390
Số dư tại ngày 31/12/2022	42.500.913.328	66.565.344.718	50.572.792.483	4.264.686.782	2.059.693.736	165.963.431.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2022	16.820.810.017	36.289.184.216	17.475.029.282	4.043.046.270	27.522.519	74.655.592.304
Tại ngày 31/12/2022	4.932.630.188	32.247.309.414	6.379.728.891	2.809.351.769	15.272.500	46.384.292.762

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 74.225.042.185 VND (tại ngày 01/01/2022: 72.263.347.114 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2022 là 11.092.533.194 VND (tại ngày 01/01/2022: 2.195.942.763 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2022	77.003.448.071	2.432.756.977	79.436.205.048
Tăng trong năm	-	13.995.221.878	13.995.221.878
Mua trong năm	-	2.707.784.000	2.707.784.000
Kết chuyển dự án hoàn thành	-	11.287.437.878	11.287.437.878
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>77.003.448.071</u>	<u>16.427.978.855</u>	<u>93.431.426.926</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2022	5.288.270.281	959.762.541	6.248.032.822
Tăng trong năm	2.111.738.952	2.702.294.008	4.814.032.960
Khấu hao trong năm	2.111.738.952	2.702.294.008	4.814.032.960
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>7.400.009.233</u>	<u>3.662.056.549</u>	<u>11.062.065.782</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	<u>71.715.177.790</u>	<u>1.472.994.436</u>	<u>73.188.172.226</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>69.603.438.838</u>	<u>12.765.922.306</u>	<u>82.369.361.144</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 561.056.977 VND (tại ngày 01/01/2022: 520.756.977 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí đầu tư dự án chuyển đổi số	-	10.749.940.837
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai Ứng dụng di động	5.268.300.000	-
Tổng	<u>5.268.300.000</u>	<u>10.749.940.837</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.143.847.775	331.932.061
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.143.847.775	331.932.061
<i>Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.521.725.816
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	1.521.725.816
<i>Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	-	-

5.15 Lợi thế thương mại**a. Chi tiết lợi thế thương mại**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	11.427.082.105	17.821.349.722
Các công ty con khác	14.512.525.784	16.740.647.483
Tổng	25.939.607.889	34.561.997.205

b. Biến động của lợi thế thương mại trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm	115.929.494.383	180.925.514.023
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(81.367.497.178)	(75.994.908.848)
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(8.622.389.316)	(10.788.923.300)
Giảm lợi thế thương mại do sáp nhập công ty con	-	(59.579.684.670)
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm	25.939.607.889	34.561.997.205

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	708.972.856.596	708.972.856.596	691.948.947.524	691.948.947.524
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	607.682.055.422	607.682.055.422	597.838.774.785	597.838.774.785
Phải trả cho các đối tượng khác	101.290.801.174	101.290.801.174	94.110.172.739	94.110.172.739
Tổng	708.972.856.596	708.972.856.596	691.948.947.524	691.948.947.524
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>3.069.211.033</i>	<i>3.069.211.033</i>	<i>2.804.111.416</i>	<i>2.804.111.416</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>				

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.793.534.749	2.835.046.041
Trích trước chi phí chiết khấu	1.429.900	688.342.575
Các khoản khác	432.596.565	12.508.255.606
Tổng	3.227.561.214	16.031.644.222

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Các khoản phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	27.201.759.090	49.764.007.861
Tài sản thừa chờ giải quyết	14.740.818	12.267.552
Kinh phí công đoàn	422.550.555	958.147.569
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	507.052.829	453.256.502
Cổ tức phải trả	912.301.894	2.346.959.069
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.040.525.024	27.096.639.175
Chiết khấu phải trả	1.338.805.163	2.095.957.420
Phải trả, phải nộp khác	3.965.782.807	16.800.780.574
Dài hạn	61.115.208.052	39.951.372.814
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	61.115.208.052	39.951.372.814
Tổng	88.316.967.142	89.715.380.675
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.419.001.818</i>	<i>2.268.815.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>		

5.19 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dài hạn	12.518.453.024	-
Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết	12.518.453.024	-
Tổng	12.518.453.024	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	600.777.347.415	600.777.347.415	2.844.821.126.691	2.763.738.478.664	519.694.699.388	519.694.699.388
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	72.657.164.210	72.657.164.210	-	-
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	230.715.268.995	230.715.268.995	603.819.685.210	477.799.637.802	104.695.221.587	104.695.221.587
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	196.253.666.561	196.253.666.561	1.832.838.710.890	1.939.452.188.867	302.867.144.538	302.867.144.538
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	117.968.235.299	117.968.235.299	255.506.009.821	212.117.239.481	74.579.464.959	74.579.464.959
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên (iv)	16.904.356.560	16.904.356.560	16.904.356.560	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	8.881.200.000	8.881.200.000	9.488.000.000	9.255.800.000	8.649.000.000	8.649.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	30.054.620.000	30.054.620.000	53.607.200.000	52.331.230.000	28.778.650.000	28.778.650.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	125.218.304	125.218.304	125.218.304



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
(trang trước chuyển sang)	600.777.347.415	600.777.347.415	2.844.821.126.691	2.763.738.478.664	519.694.699.388	519.694.699.388
Vay dài hạn						
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	162.559.780.000	162.559.780.000	46.616.500.000	73.536.848.000	189.480.128.000	189.480.128.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	14.838.800.000	14.838.800.000	2.316.000.000	10.867.200.000	23.390.000.000	23.390.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	117.720.980.000	117.720.980.000	14.300.500.000	62.094.520.000	165.515.000.000	165.515.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	-	-	-	466.000.000	466.000.000	466.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (vii)	-	-	-	109.128.000	109.128.000	109.128.000
Tổng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
	763.337.127.415	763.337.127.415	2.891.437.626.691	2.837.275.326.664	709.174.827.388	709.174.827.388

(i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/019/22 ngày 15/3/2022 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
 - Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng: Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2023, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
 - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:
 - Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích: Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Từ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
 - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
- (iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam số 01/2022/963762/HĐTD ngày 01/11/2022:
 - Hạn mức tín dụng được cấp là: 200.000.000.000 VND;
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, nhưng không vượt quá 15/8/2023;
 - Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, và phương tiện vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vi) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vii) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HDTD ngày 27/12/2022:

- Số tiền cho vay: 145.000.000 VND;
- Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vô bình gas;
- Thời hạn vay: 5 năm;
- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
- Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
- Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HDTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.966.637.434	14.317.463.982	507.419.399.632
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.374.646.454	-	25.374.646.454
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(27.515.428)	(27.515.428)
Biến động do áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-	(22.300.801.474)	-	(22.300.801.474)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	-	(18.669.771.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(284.866.606)	15.247.595	(269.619.011)
Số dư tại ngày 31/12/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.085.844.808	14.305.196.149	491.526.339.173
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.085.844.808	14.305.196.149	491.526.339.173
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	1.514.241.102	12.172.877.298	13.687.118.400
Biến động do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(18.669.771.000)	-	(18.669.771.000)
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con (ii)	-	-	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000
Công ty mẹ mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con (iii)	-	-	-	-	6.084.583	(7.084.583)	(1.000.000)
Biến động khác do hợp nhất	-	-	-	-	740.244.118	-	740.244.118
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09/5/2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 500 VND/cổ phiếu.
- (ii) Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải, một Công ty con của Công ty, thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải tăng lên từ 4.500.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty và cổ đông không kiểm soát sau khi công ty con tăng vốn điều lệ lần lượt là 80% và 20%.
- (iii) Công ty mua lại một phần cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty và cổ đông không kiểm toán sau giao dịch chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 99,9994% và 0,001%.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	18.669.771.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022	01/01/2022	Thời điểm xóa nợ
	VND	VND	
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	214.325.059	Năm 2020
Các đối tượng khác	183.603.262	183.603.262	Năm 2020
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	6.016.156.743	6.016.156.743	

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán LPG	4.073.796.382.292	3.424.176.791.041
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	16.769.471.860	9.944.764.533
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	26.047.436.260	19.655.827.943
Tổng	4.116.613.290.412	3.453.777.383.517

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	1.022.480.618.857	170.386.090.024
--	--------------------------	------------------------

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	23.944.562.123	55.075.287.055
Giảm giá hàng bán	15.838.906	143.880.399
Hàng bán bị trả lại	10.584.952.517	7.137.936.976
Tổng	34.545.353.546	62.357.104.430

Trong đó:

Giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	7.928.156.289	15.822.925.933
---	----------------------	-----------------------

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán LPG	4.039.251.028.746	3.361.819.686.611
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	16.769.471.860	9.944.764.533
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	26.047.436.260	19.655.827.943
Tổng	4.082.067.936.866	3.391.420.279.087

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán LPG	3.685.717.531.020	2.929.820.922.195
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	14.463.671.411	12.397.064.208
Tổng	3.700.181.202.431	2.942.217.986.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.084.000.670	8.285.669.620
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.368.000.000	708.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	234.460.964	4.384.695.726
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.120.000.000
Tổng	9.686.461.634	14.498.365.346
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	<i>404.686.985</i>	<i>322.002.398</i>

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	33.369.589.644	17.833.380.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	2.646.950.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.292.511.949	1.030.875.269
Lỗ do sáp nhập và thanh lý công ty con	-	792.900.875
Phí bảo lãnh tín dụng	-	431.509.598
Chi phí tài chính khác	3.717.629	7.188.000
Tổng	54.312.769.222	20.095.854.316
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)</i>	<i>-</i>	<i>1.310.759.360</i>

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	273.852.726.352	323.383.390.872
Chi phí nhân viên	102.736.982.177	132.364.713.878
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	25.592.553.205	25.715.908.068
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	47.395.390.013	52.656.773.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.077.649.218	6.941.168.188
Chi phí bán hàng khác	64.050.151.739	105.704.827.714
Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.728.026.266	110.260.087.202
Chi phí nhân viên quản lý	47.200.694.019	56.973.551.846
Chi phí vật liệu quản lý	1.669.517.238	2.282.425.268
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.703.970.332	275.771.070
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.605.075.978	945.165.958
Phân bổ lợi thế thương mại	8.622.389.316	10.788.923.300
Thuế phí và lệ phí	101.925.286	502.616.635
Chi phí dự phòng	495.913.813	1.039.456.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	38.328.540.284	37.452.176.599
Tổng	384.580.752.618	433.643.478.074

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	46.024.495.110	294.693.926
Thu nhập từ chênh lệch thừa khi kiểm kê hàng tồn kho, kiểm kê tài sản, nợ phải trả của Công ty con bị sáp nhập	-	13.156.104.222
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	8.380.559.988	2.542.669.596
Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	7.026.284.320	38.669.150
Các khoản khác	3.584.207.682	3.182.182.697
Tổng	65.015.547.100	19.214.319.591
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	496.289.129	1.140.857.027
Chi phí khác	469.881.039	1.209.899.042
Tổng	966.170.168	2.350.756.069
Lợi nhuận khác	64.049.376.932	16.863.563.522

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.884.145.176	10.069.922.648
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (i)	112.008.205	-
Tổng	12.996.153.381	10.069.922.648

(i) Trình bày khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo theo Quyết định số 3686/QĐ-CCT ngày 31/5/2022 của Chi cục thuế Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	265.108.226
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.811.915.714)	(1.989.194.461)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.521.725.816)	(522.668.000)
Tổng	(4.333.641.530)	(2.246.754.235)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	1.514.241.102	25.374.646.454
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	1.514.241.102	25.374.646.454
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	41	680

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.812.617.255	239.569.899.613
Chi phí nhân công	168.835.293.968	211.047.910.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	23.380.444.203	20.943.334.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.599.953.271	147.276.645.786
Chi phí khác bằng tiền	56.070.133.198	51.008.442.910
Tổng	612.698.441.895	669.846.233.237

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục vay và nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ	(2.646.950.000)	989.000.000
Bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng chưa thu bằng tiền	3.725.000.000	3.725.000.000
Lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia nhưng chưa thu bằng tiền	(899.584.024)	9.485.370.421

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các cam kết**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Năm thứ nhất	5.866.560.000	8.580.711.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.848.640.000	14.045.243.637
Tổng	21.715.200.000	22.625.955.273

8.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch và số dư trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết
13	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác và những thành viên thân cận trong Gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thù lao của thành viên Ủy ban Kiểm toán (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên	-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09/5/2022, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không có quốc tịch Việt Nam và Ủy ban Kiểm toán.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty	593.410.615	461.951.452
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	750.654.017	642.662.649
Ông Cao Văn Anh	Trưởng ban Kế hoạch tài chính	-	794.613.244
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban kiểm tra	1.117.482.169	962.553.486
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	543.207.631	452.953.010
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	915.366.962	788.410.386

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng		46.512.887.747	19.730.922.060
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo hiểm	199.128.062	189.518.201
	Phí bảo lãnh tính dụng	2.251.725.956	756.420.016
	Chi phí khác	-	1.660.971.580
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Mua hàng hóa	29.023.200.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Cước vận chuyển, thuê xe	3.277.928.612	4.390.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG	416.460.955	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Cước vận chuyển, thuê xe	2.927.945.463	6.155.421.821
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Phí vận chuyển	2.622.180.556	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Mua hàng hóa	-	873.585.342
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Bảo dưỡng vỏ bình gas	5.072.729.100	5.705.005.100
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Mua hàng hóa	181.746.176	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Phí chiết nạp	352.634.033	-
	Bảo dưỡng VBG	131.540.500	-
	Mua hàng hoá	55.668.334	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<u>Bán hàng</u>		1.022.480.618.857	170.386.090.024
Saisan Co., Ltd.		-	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	3.964.244.568	3.525.767.878
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Bán LPG và hàng hóa khác	45.873.731.372	50.519.002.440
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	71.950.863.033	60.726.438.437
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Bán LPG và hàng hóa khác	72.835.349.380	55.614.881.269
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas		94.168.748.049	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Bán LPG và dịch vụ khác	240.070.742.951	-
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Bán LPG và dịch vụ khác	91.478.205.528	-
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG và dịch vụ khác	229.806.633.127	-
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Bán LPG và dịch vụ khác	1.621.840.117	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	168.030.466.322	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Bán LPG	2.679.794.410	-
<u>Các khoản giảm trừ doanh thu</u>		7.928.156.289	15.822.925.933
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Chiết khấu thương mại	4.301.089.242	7.460.056.387
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Chiết khấu thương mại	1.795.807.576	2.977.351.137
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	1.831.259.471	5.385.518.409
<u>Cho vay</u>			
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc chi cho vay trong năm	-	9.500.000.000
	Tiền gốc cho vay thu hồi trong năm	1.425.000.000	475.000.000
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Tiền gốc chi cho vay trong năm	-	3.000.000.000
	Tiền gốc cho vay thu hồi trong năm	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản doanh thu tài chính			
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi vay	404.686.985	322.002.398
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	Lãi vay	-	14.013.699
Đi vay			67.164.000.000
Saisan Co., Ltd.	Tiền gốc vay đã trả trong kỳ	-	67.164.000.000
	Tiền gốc vay đã nhận trong kỳ	-	-
Các khoản chi phí tài chính			1.310.759.360
Saisan Co., Ltd.	Chi phí lãi vay	-	1.310.759.360

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Saisan Co., Ltd.			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Bán hàng hóa, dịch vụ	65.786.601	269.749.050
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Bán hàng hóa, dịch vụ	13.697.857.187	13.976.358.679
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	34.499.367.347	22.563.418.011
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.049.529.211	6.261.463.096
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán hàng hóa, dịch vụ	16.981.952.036	6.254.630.653
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	48.393.156.515	29.156.893.826
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.246.164.332	7.082.646.210
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.703.501.930	-
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Bán hàng hóa, dịch vụ	150.869.169	191.317.381
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán hàng hóa, dịch vụ	21.293.652.828	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Bán hàng hóa, dịch vụ	854.326.022	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		50.414.478.223	5.707.200.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	50.200.000.000	5.707.200.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	214.478.223	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon,
Số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn (trình bày lại)</u>		5.120.206.254	3.567.310.388
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Phải thu lãi cho vay	31.063.699	39.867.466
Saisan Co., Ltd.	Tiền thuế TNCN nộp hộ	4.689.142.555	3.127.442.922
Ông Lại Văn Tú	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu về cho vay</u>		24.987.320.000	26.412.320.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Tiền gốc vay phải thu	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc vay phải thu	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Tiền gốc vay phải thu	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc vay phải thu	6.650.000.000	8.075.000.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn (Trình bày lại)</u>		3.069.211.033	2.804.111.416
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina		-	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	360.884.444
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.730.782.957	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	270.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	548.858.152
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Mua hàng hóa, dịch vụ	943.196.076	1.383.696.820
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	395.232.000	240.672.000
<u>Phải trả khác</u>		8.419.001.818	2.268.815.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Nhận ký quỹ, ký cược	1.895.880.000	677.880.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Nhận ký quỹ, ký cược	5.905.935.000	1.590.935.000
	Chiết khấu phải trả	585.594.318	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Chiết khấu phải trả	31.592.500	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

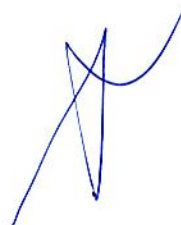
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Trần Minh Loan

